

Đề 1:

Phần I: Trắc nghiệm (4,0 điểm) *Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.*

Câu 1: Cho tập hợp $P = \{2, 4, 6, 8\}$, có bao nhiêu phần tử trong tập hợp P ?

- A. 2 B. 4 C. 6 D. 8

Câu 2. Số tự nhiên x trong phép tính là: $(x-35).1000 = 0$

- A. 0. B. 100. C. 35. D. Đáp án khác.

Câu 3. Tích $7^{10} : 7^5$ được viết dưới dạng một lũy thừa là:

- A. 7^5 B. 7^2 C. 7^{15} D. 1^2

Câu 4. Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc là:

- A. Nhân, chia $\rightarrow$ lũy thừa $\rightarrow$ cộng và trừ
B. Cộng, trừ $\rightarrow$ nhân và chia $\rightarrow$ lũy thừa
C. Lũy thừa $\rightarrow$ nhân, chia $\rightarrow$ cộng, trừ
D. Lũy thừa $\rightarrow$ cộng, trừ $\rightarrow$ nhân, chia

Câu 5. Trong các số sau: 30; 18; 25; 50 những số nào chia hết cho cả 2 và 5?

- A. 30; 18 B. 25; 50 C. 18; 25 D. 30; 50

Câu 6. Số nào là số nguyên tố?

- A. 15 B. 4 C. 11 D. 49

Câu 7. ƯCLN(18, 60) là:

- A. 36 B. 6 C. 12 D. 30

Câu 8. BCNN(150, 30, 50) là:

- A. 30 B. 50 C. 150 D. khác

Câu 9. Trong các số sau, số nào là số nguyên âm?

- A. 0 B. -70 C. 2 D. 5

Câu 10. Kết quả của phép tính: là: $-30 - 12$

- A. 18 B. 42 C. -42 D. 360

Câu 11. Tính $-130 + 25 + 130$ được kết quả là:

- A. 2 B. 25 C. 13 D. -20

Câu 12: Các ước của 13 là

- A. 1; 13 B. -13; 13 C. 1; -1; 13; -13 D. -1; 1

Câu 13. Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau:

- A. Các số 205; 100; 0 đều chia hết cho 5
B. Các số -25; 23; 35 đều chia hết cho 5
C. Các số -45; 1000; 11 đều chia hết cho 5

D. Các số 7; 30; 95 đều chia hết cho 5

Câu 14. Hình vuông có cạnh là 10cm thì chu vi của nó là:

- A. 100cm^2 B. 40cm C. 40cm^2 D. 80cm

Câu 15. Hình chữ nhật có độ dài hai cạnh là 40cm và 20cm thì chu vi của nó là:

- A. 120 cm B. 60cm C. 800cm D. 30cm

Câu 16. Tính diện tích hình bình hành có một cạnh là 10cm , chiều cao tương ứng là 5 cm

- A. 20 cm B. 50 cm^2 C. 75 cm D. 25cm^2

Phần 2: Tự luận (6,0 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $7^{11} : 7^9 + (-9)$ b) $13 - 3 \cdot (18 - 10)$

Bài 2: (2 điểm) Tìm x , biết:

- a) $60 + x = 27$ b) $5 + 2x = 15 : (-3)$

Bài 3 (1,0 điểm)

Một bài kiểm tra trắc nghiệm có 50 câu hỏi. Với mỗi câu trả lời đúng được +5 điểm, với mỗi câu trả lời sai thì được -3 điểm và 0 điểm cho mỗi câu hỏi chưa trả lời. Tính số điểm của một học sinh đạt được khi đã trả lời 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được.

Bài 4 (1,0 điểm)

Một gia đình dự định mua gạch men loại hình vuông cạnh 40cm để lát nền của căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 8m và chiều rộng 4m . Tính số viên gạch cần mua để lát căn phòng đó?

a)

ĐÁP ÁN ĐỀ 1 -KT GIỮA KÌ 1-TOÁN 6a) **Trắc nghiệm 4 điểm** (Mỗi câu trả lời đúng 0,25 đ)

Câu 1: B	Câu 5: D	Câu 9: B	Câu 13: A
Câu 2: C	Câu 6: C	Câu 10: C	Câu 14: B
Câu 3: A	Câu 7: B	Câu 11: B	Câu 15: A
Câu 4: C	Câu 8: C	Câu 12: C	Câu 16: B

b) **Tự luận 6 điểm**

Bài	Lời giải	Điểm
1a (1,0 đ)	Bài 1: (2 điểm) Thực hiện phép tính: a) $7^{11} : 7^9 + (-9)$ $= 7^2 + (-9)$ $= 49 + (-9)$ $= 40$	0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
1b (1đ)	b) $13 - 3.(18-10)$ $= 13 - 3 \cdot 8$ $= 13 - 24$ $= -11$	0,5 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
2a (1,0 đ)	Bài 2: (2 điểm) Tìm x, biết: a) $60 + x = 27$ $x = 27 - 60$ $x = -33$	0,5 điểm 0,5 điểm
2b (1,0đ)	b) $5 + 2x = 15 : (-3)$ $5 + 2x = -5$ $2x = -5 - 5$ $2x = -10$ $x = -10 : 2$ $x = -5$	0,5 điểm 0,5 điểm
3 (1,0 đ)	Số điểm của một học sinh đạt được khi đã trả lời 35 câu đúng, 10 câu sai và 5 câu chưa trả lời được là: $35 \cdot 5 + 10 \cdot (-3) + 5 \cdot 0 = 145$ (điểm) Vậy số điểm học sinh đó đạt được là 145 điểm	0,5 điểm 0,5 điểm
4 (1,0 đ)	Đổi $40 \text{ cm} = 0,4 \text{ m}$ Diện tích mỗi viên gạch là: $0,4 \cdot 0,4 = 0,16 \text{ m}^2$	

	Diện tích căn phòng hình chữ nhật là: $8.4 = 32 \text{ m}^2$	0,25 điểm
	Số viên gạch cần để lót căn phòng: $32 : 0,16 = 200 \text{ (viên)}$	0,25 điểm
		0,25 điểm

ĐỀ 2

Phần I: Trắc nghiệm (4,0 điểm) Hãy chọn phương án trả lời đúng và viết chữ cái đứng trước phương án đó vào bài làm.

Câu 1 Số phần tử của tập hợp $A = \{2; 4; 6; 8; 10\}$ là:

- A. 10 B. 4 C. 5 D. 2

Câu 2 Cho tập hợp $M = \{1; 2; 3\}$. Trong các tập hợp sau tập hợp nào là tập hợp con của M

- $M_1 = \{0; 1\}$ B. $M_2 = \{0; 2\}$ C. $M_3 = \{3; 4\}$ D. $M_4 = \{1; 3\}$

Câu 3 Số nào trong các số sau đây chia hết cho 3?

- A. 26 B. 223 C. 108 D. 2019
1125

Câu 4 kết quả phép tính $156 + 18 + (-156)$ là:

- A. 18 B. -18 C. 165 D. -156

Câu 5 Kết quả phép tính $-145 : (-5)$ là :

- A. -150 B. 150 C. 29 D. -29

Câu 6: Kết quả của phép tính: $(-15) + (-14)$ bằng:

- A. 1 B. -1
C. 29 D. -29

Câu 7 BCNN (4;6;8) là

- A. 2 B. 12 C. 192 D. 24

Câu 8 Tập hợp nào chỉ gồm các số nguyên tố

- A. $\{3; 5; 7\}$ B. $\{3; 10; 7\}$ C. $\{13; 15; 17\}$ D. $\{1; 2; 5; 7\}$

Câu 9 Kết quả đúng của phép tính $:-28) + 11$ bằng:

- A. -39 B. -17 C. 39 D. 24

Câu 10 Giá trị của 3^4 là :

- A. 12 B. 81 C. 7 D. 64

Câu 11: Tìm số nhỏ nhất trong các số sau:

- A. -2918 B. -2981 C. 2819 D. 2891

Câu 12 **Câu 2.** Số tự nhiên x trong phép tính là: $(x-15).100 = 0$

- A. 100 B. -15 C. 15 D. -100

Câu 13: Các ước của 13 là

A. 1; 13

B. -13; 13

C. 1; -1; 13; -13

D. -1; 1

Câu 14: Diện tích một hình vuông có cạnh bằng 6cm là

A. 24cm

B. 24cm^2

C. 36cm

D. 36cm^2 **Câu 15** Tính diện tích hình bình hành sau, có kết quả đúng là:A. 600 cm^2 B. 300 cm^2 C. 150 cm^2 D. 1200 cm^2 **Câu 16:** Một cửa hàng kinh doanh có lợi nhuận như sau: tháng đầu tiên là 5 000 000 đồng, tháng thứ hai là 12 000 000 đồng. Hỏi sau hai tháng cửa hàng có lợi nhuận là bao nhiêu?

A. 17000000 đồng

B. 24000000 đồng

C. 7000000 đồng

D. 10000000 đồng

Phần 2: Tự luận (6,0 điểm)**Bài 1: Tính (2,0 điểm)**

a) $125 - 30 : 2$

b) $157 - (50 : 2 + 32)$

Bài 2 Tìm số nguyên x biết (2,0 điểm)

a) $x + 30 = 12$

b) $-5x - 11 = 79$

Bài 3 (1,0 điểm)

Một kho lạnh đang ở nhiệt độ 8°C , một công nhân đặt chế độ làm cho nhiệt độ của kho cứ trung bình cứ mỗi phút giảm đi 2°C . Hỏi sau 5 phút nữa nhiệt độ trong kho là bao nhiêu độ ?

Bài 4: (1,0 điểm)

Cô Lan muốn sơn màu hồng cho bốn bức tường phòng ngủ của mình. Các bức tường đều dạng hình chữ nhật có chiều dài 5m, chiều rộng 4m. Phòng ngủ của cô Lan được thiết kế một cửa sổ đón nắng dạng hình vuông có cạnh 1m và một cửa ra vào dạng hình chữ nhật chiều cao 2m, chiều rộng 1,2m

a) Tính diện tích mỗi cửa.

b) Tính diện tích phần tường cần sơn.

ĐÁP ÁN ĐỀ 2 -KT GIỮA KÌ 1-TOÁN 6**1) Trắc nghiệm**

Câu 1 C	Câu 5 C	Câu 9 B	Câu 13 C
Câu 2 D	Câu 6 D	Câu 10 B	Câu 14 D
Câu 3 C	Câu 7 D	Câu 11 B	Câu 15 A
Câu 4 A	Câu 8 A	Câu 12 C	Câu 16 A

Bài	Lời giải	Điểm
1a (1,0 đ)	Bài 1 (2 điểm) Thực hiện phép tính a) $125 - 30 : 2$ $= 125 - 15$ $= 105$	0,5 điểm 0,25 điểm
1b(1,0đ)	b) $157 - (50 : 2 + 32)$ $= 157 - (25 + 32)$ $= 157 - 57$ $= 100$	0,25 điểm
2a(1,0đ)	Bài 2 (2 điểm) Tìm số nguyên x biết a) $x + 30 = 12$ $x = 12 - 30$ $x = -18$	0,5 điểm 0,5 điểm
1b(1,0 đ)	b) $-5x - 11 = 79$ $-5x = 79 + 11$ $-5x = 90$ $x = 90 : (-5)$ $x = -18$	0,5 điểm 0,5 điểm
2a (1,0 đ)	Sau 5 phút nữa nhiệt độ trong kho là : $8 - 2 . 5 = -2$ Vậy nhiệt độ trong kho là -2°C	0,5 điểm 0,5 điểm
5a (1,0đ)	a) Diện tích ô cửa sổ là: $1 . 1 = 1 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích cửa ra vào là: $2 . 1,2 = 2,4 \text{ (m}^2\text{)}$	0,25 điểm 0,25 điểm
5b (1,0 đ)	b) Diện tích phần tường cần sơn là: $5 . 4 . 4 - 1 - 2,4 = 76,6 \text{ (m}^2\text{)}$	0,25 điểm

	Vậy diện tích cần sơn là $76,6 \text{ m}^2$.	0,25 điểm
--	---	-----------

TRƯỜNG THCS LONG HÒA**KIỂM TRA HỌC KÌ I - TOÁN 6****NĂM HỌC 2021 - 2022****THỜI GIAN: 90 phút****I.****MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Đại số và hình học từ tuần 1 đến tuần 17.
- Số nguyên tố; Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
- Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa số tự nhiên để tính giá trị của biểu thức.
- Tìm ƯCLN, BCNN
- Tìm x trong tập hợp số nguyên
- Toán thực tế về số nguyên
- Tính diện tích các hình, dạng đơn giản: Hình chữ nhật, hình vuông, hình thoi, hình bình hành...

2. Kỹ năng:

- Áp dụng các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa số tự nhiên để tính giá trị của biểu thức.
- Biết tìm ƯCLN, BCNN
- Biết áp dụng các phép tính trong tập hợp số nguyên để giải bài toán thực tế
- Áp dụng kiến thức tính diện tích của các hình cơ bản để giải bài toán thực tế hình học.
- Rèn kỹ năng tính toán hợp lý, chính xác, cẩn thận, kỹ năng vẽ hình và phân tích bài toán.

3. Thái độ:

- Giáo dục cho học sinh ý thức chủ động, tích cực, tự giác, nghiêm túc trong học tập và thi cử.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Đề trắc nghiệm và tự luận.

III. NỘI DUNG:**1) Ma trận đề kiểm tra****a) Trắc nghiệm**

Kiến thức cần kiểm tra	Các mức độ nhận thức, số câu hỏi, số điểm				Điểm
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Tập hợp	1 câu 0,25 đ				0,25 đ
Cộng, trừ, nhân, chia số nguyên	1 câu 0,25 đ	2 câu 0,5 đ			0,75 đ
Luỹ thừa	1 câu 0,25				0,25 đ
Số nguyên tố, số tự nhiên, số nguyên	2 câu 0,5				0,5 đ
Tìm x		1 câu 0,25đ			0,5 đ
ƯCLN, BCNN	1 0,25 đ	2 câu 0,5 đ			0,75 đ
Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9	2 câu 0,5 đ				0,5 đ
Chu vi và diện tích một số hình học phẳng	2 câu 0,5 đ	1 câu 0,25 đ			0,75 đ
Cộng: 16 câu	10 câu 2,75 đ	5 câu 1,25 đ			16 câu 4,0 điểm

b) Tự luận

Kiến thức cần kiểm tra	Các mức độ nhận thức, số câu hỏi, số điểm				Điểm
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Tính giá trị của biểu thức	2 câu 2,0 đ				2,0 đ
Tìm x	1 câu 1,0 đ	1 câu 1,0 đ			2,0 đ
Bài toán thực tế về số nguyên		1 câu 1,0 đ			1,0 đ
Bài toán thực tế hình học		1 câu 1,0 đ			1,0 đ
Cộng: 5 câu	3 câu 3,0 đ	3 câu 3,0 đ			6 câu 6,0 điểm